**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**HỢP ĐỒNG HỢP TÁC KINH DOANH DỊCH VỤ TRUYỀN HÌNH TRẢ TIỀN**

Số: 3112-VAS/VTT-VTVcab-IPTV/2022

*- Căn cứ Bộ Luật dân sự số 91/2015/QH13 ngày 24/11/2015;*

*- Căn cứ Luật Thương mại số 36/2005/QH11 ngày 14/6/2005;*

*- Căn cứ tình hình thực tế, khả năng và nhu cầu các bên,*

Hôm nay, ngày 31 tháng 12 năm 2021, hai Bên gồm có:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **BÊN A**  **Tên viết tắt** | **: CÔNG TY CỔ PHẦN TỔNG CÔNG TY TRUYỀN HÌNH CÁP VIỆT NAM (VTVcab)**  **: TỔNG CÔNG TY TRUYỀN HÌNH CÁP VIỆT NAM** | |
| Địa chỉ | : Số 3/84, đường Ngọc Khánh, phường Giảng Võ, quận Ba Đình, TP. Hà Nội, Việt Nam | |
| Điện thoại | : 024. 37714929 |  |
| Tài khoản | : 002899870001 | |
| Mở tại | : Ngân hàng TNHH MTV HSBC - Chi nhánh Hà Nội | |
| Mã số thuế | : 0105926285 | |
| Đại diện | : Ông **Bùi Huy Năm;** Chức vụ: Tổng Giám đốc | |
| *Quyết định ủy quyền số 583/QĐ-VTVcab ngày 12/8/2019* | | |
|  | | |
| **BÊN B** | **: TỔNG CÔNG TY VIỄN THÔNG VIETTEL - CHI NHÁNH TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP - VIỄN THÔNG QUÂN ĐỘI (Viettel)** | |
| Địa chỉ | : Số 1 phố Giang Văn Minh, phường Kim Mã, quận Ba Đình, TP. Hà Nội, Việt Nam | |
| Điện thoại | : 024 62776789 |  |
| Tài khoản | : 12010000149572 | |
| Mở tại | : Sở Giao dịch 1 - Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam | |
| Mã số thuế | : 0100109106-011 | |
| Đại diện | : Ông **Nguyễn Trọng Tính;** Chức vụ: Phó Tổng Giám đốc | |

*(Quyết định ủy quyền số 6368/GUQ-VTT-PC&CSVT ngày 11/8/2020 và Thông báo gia hạn ủy quyền số 8759/TB-VTT ký ngày 11/8/2021)*

VTVcab và Viettel dưới đây được gọi riêng là “Bên” hoặc gọi chung là “các Bên” hoặc “hai Bên”.

Các bên thống nhất ký kết Hợp đồng hợp tác kinh doanh dịch vụ truyền hình trả tiền (“Hợp đồng”) với những điều khoản cụ thể như sau:

**ĐIỀU 1. ĐỊNH NGHĨA**

**1.1. “Mạng truyền hình”:** Là mạng truyền dẫn tín hiệu truyền hình từ Phòng máy đến thuê bao để truyền dẫn tín hiệu truyền hình và các dịch vụ gia tăng khác.

**1.2. “Khách hàng/Thuê bao”:** Là cá nhân/hộ gia đình sống tại nhà riêng lẻ, căn hộ hoặc nơi cư trú khác và/hoặc đơn vị/tổ chức (cơ quan, nhà nghỉ, khách sạn, resort dưới 3 sao) đăng ký sử dụng các dịch vụ truyền hình trả tiền và có phát sinh cước thực tế.

**1.3. “Gói dịch vụ của Viettel”:** Là gói cước Viettel cung cấp cho khách hàng/thuê bao bao gồm và không giới hạn gói kênh chương trình truyền hình và các gói dịch vụ gia tăng khác đi kèm. Gói dịch vụ của Viettel được hiểu là các Gói dịch vụ truyền hình đơn lẻ và Gói dịch vụ combo của Viettel.

**1.4. “Gói dịch vụ truyền hình đơn lẻ của Viettel”:** Là tất cả các gói dịch vụ truyền hình mà Viettel cung cấp cho khách hàng/thuê bao.

**1.5. “Gói dịch vụ combo của Viettel”:** Là tất cả các gói dịch vụ truyền hình - Internet mà Viettel cung cấp cho khách hàng/thuê bao.

**1.6. “Gói kênh chương trình”:** Là tất các kênh chương trình truyền hình VTVcab cung cấp cho Viettel để cung cấp tới khách hàng/thuê bao của Viettel.

**1.7. “Địa bàn hợp tác”:** Là địa bàn các tỉnh/thành phố trên toàn quốc.

**1.8. “Hệ thống dịch vụ của Viettel”:** Là dịch vụ truyền hình cáp tương tự, cáp số và truyền hình cáp IPTV của Viettel.

**1.9. “Bên thứ ba”**:Là tất cả các bên ngoài VTVcab và Viettel, bao gồm nhưng không giới hạn bởi: các bên cung cấp bản quyền cho VTVcab và Viettel, các đối tác kinh doanh của mỗi bên.

**ĐIỀU 2: NỘI DUNG HỢP ĐỒNG**

Các bên thống nhất hợp tác triển khai kinh doanh dịch vụ truyền hình trả tiền (“Dịch vụ”) trên toàn quốc, cụ thể như sau:

* VTVcab là đơn vị cung cấp bản quyền không độc quyền các kênh truyền hình trả tiền trong nước và nước ngoài phát sóng trên Hệ thống dịch vụ của Viettel cho Khách hàng/thuê bao của Viettel trên h thổ Việt Nam. Danh sách kênh chương trình VTVcab chịu trách nhiệm cung cấp bản quyền cho Viettel được quy định tại Phụ lục 01.
* Viettel là đơn vị triển khai cung cấp dịch vụ cho khách hàng/thuê bao trên hệ thống dịch vụ của Viettel trên toàn lãnh thổ Việt Nam.

**ĐIỀU 3. THỜI HẠN HỢP ĐỒNG**

**3.1.** Hợp đồng này có thời hạn 1 (một) năm kể từ ngày 01/01/2022 đến hết ngày 31/12/2022.

**3.2.** Trước khi hết hạn Hợp đồng, các Bên sẽ cùng nhau bàn bạc, thỏa thuận các điều khoản để gia hạn Hợp đồng. Trường hợp các Bên không thỏa thuận hoặc thỏa thuận không được thì Hợp đồng sẽ chấm dứt khi hết thời hạn nêu trên.

**ĐIỀU 4. ĐIỀU KIỆN TÀI CHÍNH VÀ THANH TOÁN**

**4.1. Chi phí mỗi bên phải chi trả**

Mỗi Bên tự chịu trách nhiệm về chi phí thuộc nghĩa vụ của mình, trong đó:

* VTVcab chịu chi phí bản quyền kênh chương trình phát sóng theo quy định tại Điều 2 Hợp đồng này.
* Viettel chịu chi phí mạng truyền hình; chi phí nhận tín hiệu các kênh chương trình tại Phòng máy của các đơn vị sở hữu bản quyền/VTVcab tại Hà Nội để cung cấp cho khách hàng/ thuê bao; các chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh dịch vụ, bao gồm nhưng không giới hạn: chi phí phát triển thuê bao, lắp đặt, bảo hành, bảo trì dịch vụ, chuyển đổi dịch vụ, chuyển đổi địa điểm, ngưng/hủy dịch vụ, khôi phục dịch vụ; chi phí thiết bị, vật tư lắp đặt cho khách hàng/thuê bao; chi phí in Hợp đồng cung cấp dịch vụ với khách hàng, phiếu thu, hóa đơn; chi phí truyền thông, khuyến mại.

**4.2. Doanh thu mỗi bên được hưởng**

- VTVcab được hưởng doanh thu bản quyền từ Viettel theo quy định tại Phụ lục 01.

- Viettel được hưởng 100% doanh thu phí thuê bao và tất cả các doanh thu khác thu được từ khách hàng/thuê bao của Viettel.

**4.5. Đối soát và thanh toán:** được quy định tại Phụ lục 01.

**ĐIỀU 5. QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CÁC BÊN**

**5.1. Quyền và nghĩa vụ của VTVcab**

1. Chịu trách nhiệm thực hiện các quy định liên quan đến bản quyền kênh chương trình truyền hình (trong nước và nước ngoài) theo quy định của Hợp đồng. VTVcab là đơn vị chịu trách nhiệm đàm phán, ký kết các văn bản có giá trị pháp lý, thanh toán cho các Bên thứ ba để cung cấp bản quyền các kênh truyền hình trả tiền trong nước, kênh nước ngoài phát sóng trên Hệ thống dịch vụ của Viettel.
2. Cung cấp tín hiệu kênh chương trình truyền hình tại Phòng máy của VTVcab tại Hà Nội để Viettel nhận tín hiệu kênh chương trình, truyền đến Phòng máy của Viettel và cung cấp cho Khách hàng.
3. Có quyền dừng việc cung cấp bản quyền một hoặc nhiều kênh chương trình phát sóng trên Hệ thống dịch vụ cho Viettel mà không phải bồi thường thiệt hại cho Viettel trong trường hợp VTVcab có bằng chứng chứng minh (hình ảnh, video... do VTVcab tự ghi nhận hoặc được cung cấp) các vi phạm do lỗi của Viettel và Viettel phải dừng ngay việc phát sóng Kênh chương trình, cụ thể như sau:

+ Viettel vi phạm bất kỳ các cam kết, nghĩa vụ, trách nhiệm nào liên quan đến việc phát sóng Kênh chương trình theo qui định trong Hợp đồng mà không khắc phục được hoặc không khắc phục trong thời gian 24h khi nhận được thông báo của VTVcab;

+ Viettel vi phạm bản quyền bất kỳ nội dung chương trình nào trên kênh chương trình trên hạ tầng, dịch vụ do Viettel quản lý, khai thác;

+ Theo yêu cầu của các Cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền;

+ Viettel vi phạm nghĩa vụ thanh toán;

+ Đối với trường hợp bị giới hạn về điều kiện sử dụng bản quyền của chương trình (chương trình đặc biệt) trên Kênh chương trình phát sóng trên Hệ thống dịch vụ của Viettel thì hai bên thống nhất coi đây là trường hợp bất khả kháng, VTVcab sẽ được miễn trừ trách nhiệm bồi thường thiệt hại và phạt vi phạm Hợp đồng. VTVcab sẽ thông báo trước cho Viettel trong khoảng thời gian hợp lý để Viettel nắm được và phối hợp với VTVcab để bảo vệ bản quyền. Trong trường hợp này, Viettel tự xuống sóng các chương trình đặc biệt trước khi Viettel cung cấp tín hiệu đến các khách hàng của Viettel;

**d.** Cung cấp lịch phát sóng của các kênh chương trình cho Viettel ngay sau khi VTVcab nhận được lịch phát sóng từ các đối tác cung cấp nội dung để Viettel cập nhật lên hệ thống.

**e.** Xuất Hóa đơn tài chính hợp lệ cho Viettel.

1. Yêu cầu Viettel thực hiện đúng các quy định trong Hợp đồng này và các Phụ lục Hợp đồng, văn bản có liên quan.
2. Đảm bảo cung cấp đúng, đủ số kênh trong gói kênh truyền hình mà hai bên đã thỏa thuận, trong trường hợp có sự thay đổi về danh sách kênh chương trình VTVcab sẽ gửi thông báo cho Viettel.
3. Được hưởng doanh thu bản quyền theo quy định của Hợp đồng này và các Phụ lục Hợp đồng đính kèm Hợp đồng này (nếu có).
4. Được quyền đơn phương chấm dứt Hợp đồng theo quy định tại Điều 9 của Hợp đồng này.
5. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định Hợp đồng và các Phụ lục đính kèm.

**5.2 Quyền và nghĩa vụ của Viettel**

**a.** Chịu trách nhiệm pháp lý về việc cung cấp dịch vụ truyền hình cho Khách hàng/thuê bao của Viettel, bao gồm nhưng không hạn chế các hoạt động như: bán hàng, lắp đặt, bảo hành, bảo trì dịch vụ, chăm sóc khách hàng, giải quyết khiếu nại, cung cấp vật tư, thiết bị đầu cuối, ký kết Hợp đồng cung cấp dịch vụ với Khách hàng, xuất hóa đơn, thu cước dịch vụ từ khách hàng/thuê bao, ban hành chương trình khuyến mại...

**b.** Cung cấp cho VTVcab văn bản ủy quyền để VTVcab thay mặt Viettel thực hiện mua bản quyền các kênh truyền hình trả tiền phát sóng trên Hệ thống dịch vụ của Viettel.

**c.** Chỉ được quyền cung cấp tín hiệu các kênh chương trình truyền hình tới các khách hàng/ thuê bao được quy định tại Hợp đồng và các Phụ lục đính kèm. Đảm bảo tính toàn vẹn của chương trình phát sóng, thực hiện việc truyền sóng toàn bộ, không được cắt bỏ, lược bỏ, thay thế hay chèn thêm bất cứ nội dung nào vào kênh chương trình truyền hình, trừ trường hợp do yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, thỏa thuận của các bên hoặc theo yêu cầu của VTVcab.

**d.** Tiếp nhận tín hiệu các kênh chương trình truyền hình tại Phòng máy của VTVcab tại Hà Nội và/hoặc duy trì thiết bị, đường truyền dẫn để lấy tín hiệu trực tiếp từ các đơn vị cung cấp nội dung, lấy tín hiệu dự phòng từ Phòng máy của VTVcab để cung cấp đến cho khách hàng/thuê bao.

**e.** Không được cho phép bất cứ Bên thứ ba nào thực hiện việc thu, phát lại, sao chép, phát hành, phân phối tín hiệu Kênh chương trình truyền hình dưới bất cứ hình thức nào nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của VTVcab đối với gói kênh truyền hình mà hai Bên hợp tác theo quy định tại Hợp đồng này.

**f.** Có trách nhiệm bảo vệ tín hiệu kênh chương trình do VTVcab cung cấp. Triển khai các biện pháp kỹ thuật bảo vệ tín hiệu, nhằm hạn chế vi phạm bản quyền, phát hiện và phối hợp với VTVcab xử lý các trường hợp vi phạm bản quyền. Trong trường hợp Viettel phát hiện vi phạm bản quyền trên Kênh chương trình, Viettel sẽ chủ động xử lý nếu vi phạm xảy ra từ nguồn tín hiệu của Viettel và/hoặc Viettel thông báo ngay khi phát hiện vi phạm cho VTVcab nếu vi phạm xảy ra không từ nguồn cấp tín hiệu của Viettel;

**g.** Dừng phát sóng Kênh chương trình khi hết hạn Hợp đồng hoặc trong trường hợp nhận được thông báo của VTVcab và các trường hợp khác theo quy định của Hợp đồng;

**h.** Xây dựng và cung cấp cho VTVcab web report để VTVcab theo dõi số lượng khách hàng/thuê bao của Viettel.

**i.** Hàng tháng cung liệu đối soát để hai bên xác định doanh thu bản quyền VTVcab được hưởng. Chịu trách nhiệm về tính chính xác của số liệu cung cấp cho VTVcab.

**j.** Thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền VTVcab được hưởng theo quy định tại Hợp đồng này và các Phụ lục đính kèm.

**k**. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định Hợp đồng và các Phụ lục đính kèm.

**l.** Chịu trách nhiệm trước VTVcab, bên thứ ba và trước pháp luật (bao gồm nhưng không giới hạn các khoản phạt, bồi thường, các hoạt động khiếu nại, khiếu kiện, các chi phí phát sinh khác có liên quan…) đối với mọi lỗi vi phạm bản quyền của Viettel.

**ĐIỀU 6. SỞ HỮU TRÍ TUỆ**

Mỗi Bên giữ quyền sở hữu đối với toàn bộ tên thương mại, nhãn hiệu các chương trình, phần mềm, dữ liệu, công cụ, thiết bị, tài sản do Bên đó đầu tư trong suốt quá trình thực hiện Hợp đồng này. Các Bên tôn trọng quy định về việc sử dụng tên thương mại, nhãn hiệu và tất cả các thông tin liên quan đến việc sử dụng tên thương mại, nhãn hiệu phải được Bên chủ sở hữu tên thương mại, nhãn hiệu chấp thuận trước bằng văn bản, vì mục đích này, Bên chủ sở hữu tên thương mại, nhãn hiệu sẽ cung cấp cho bên còn lại tất cả các thông tin cần thiết về tên thương mại, nhãn hiệu khi có yêu cầu.

**ĐIỀU 7. BẤT KHẢ KHÁNG**

**7.1.** Bất khả kháng là những trường hợp xảy ra không thể lường trước được và không nằm trong khả năng kiểm soát của các bên, bao gồm nhưng không giới hạn như thiên tai, hỏa hoạn, dịch bệnh, chiến tranh, đình công, sự phát triển của công nghệ, sự thay đổi của chính sách pháp luật, chính sách của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền thay đổi làm một trong các bên không thể thực hiện Hợp đồng. Trong trường hợp này, Bên bị ảnh hưởng sẽ gửi ngay thông báo bằng văn bản cho Bên kia nêu lý do khiến Bên bị ảnh hưởng không thể thực hiện các nghĩa vụ liên quan đến Hợp đồng. Trường hợp một Bên (“Bên bị ảnh hưởng”) không thể thực hiện được một phần hoặc toàn bộ nghĩa vụ đã thỏa thuận trong Hợp đồng được coi là trường hợp bất khả kháng khi đáp ứng được các điều kiện sau đây:

* Sự kiện bất khả kháng là nguyên nhân trực tiếp gây trở ngại hoặc cản trở Bên bị ảnh hưởng thực hiện các nghĩa vụ của mình theo Hợp đồng;
* Bên bị ảnh hưởng đã hết sức cố gắng tiếp tục thực hiện nghĩa vụ, cam kết, cố gắng để làm giảm hoặc tránh thiệt hại và khắc phục hậu quả do sự kiện bất khả kháng gây ra;
* Bên bị ảnh hưởng đã gửi thông báo bằng văn bản cho Bên kia biết về mọi thông tin liên quan đến sự kiện bất khả kháng trong vòng 14 (mười bốn) ngày kể từ khi sự kiện bất khả kháng xảy ra. Văn bản thông báo này phải nêu rõ lý do trì hoãn hoặc không thể thực hiện được một phần hay toàn bộ nghĩa vụ theo Hợp đồng, các biện pháp cần thiết đã áp dụng để khắc phục;
* Các bên đã có sự trao đổi, bàn bạc để xem xét việc tiếp tục thực hiện nghĩa vụ của Bên bị ảnh hưởng.

**7.2.** Nếu bất kỳ sự cố nào thuộc trường hợp bất khả kháng nêu trên kéo dài hơn 03 (ba) tháng kể từ ngày bắt đầu và/hoặc sự việc đó cản trở một Bên thực hiện tất cả hoặc một phần nghĩa vụ của mình thì các bên sẽ cùng thương lượng để tìm ra giải pháp hợp lý. Nếu không đạt được thỏa thuận, thì bất kỳ Bên nào cũng đều có quyền chấm dứt Hợp đồng mà không phải bồi thường và chịu bất cứ hình thức phạt nào.

**ĐIỀU 8: BẢO MẬT THÔNG TIN**

**8.1. Thông tin bảo mật**

Thông tin bảo mật là tất cả thông tin trao đổi, số liệu kinh doanh, chiến lược kinh doanh và bất kỳ thông tin, dữ liệu và tài liệu thương mại hoặc bất kỳ tài liệu nào được bên chuyển giao thông tin gắn nhãn hoặc ghi ký hiệu “bảo mật”, hoặc những nội dung tương tự. Nếu thông tin bảo mật được chuyển giao bằng hình thức lời nói, thì Bên chuyển giao thông tin phải đặc biệt chỉ rõ đó là Thông tin bảo mật, thông tin khách hàng tại thời điểm tiết lộ và có văn bản xác nhận việc này trong vòng 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày chuyển giao thông tin đó.

**8.2. Bảo mật**

Mỗi bên có trách nhiệm giữ bí mật Thông tin bảo mật cho Bên còn lại trong suốt quá trình thực hiện Hợp đồng và sau khi chấm dứt hợp đồng. Ngay sau khi chấm dứt hay hết hạn Hợp đồng. Bên tiếp nhận phải lập tức hoàn trả cho Bên chuyển giao, hoăc theo yêu cẩu của bên chuyển giao, hủy tất cả các Thông tin bảo mật của Bên chuyển giao đang được Bên tiếp nhận giữ hoặc kiểm soát. Đại diện có thẩm quyền của Bên tiếp nhận phải xác nhận bằng văn bản với Bên chuyển giao rằng đã hoàn tất công việc này.

**8.3. Trường hợp ngoại lệ**

Những thông tin sau đây sẽ không được coi là Thông tin bảo mật: (a) thông tin chung đã được biết tới hay có sẵn tại thời điểm chuyển giao hoặc trở thành thông tin chung hay có sẵn sau khi nó được chuyển giao mà không phải do Bên tiếp nhận vi phạm nghĩa vụ bảo mật theo Hợp đồng này; (b) thông tin đã thuộc sở hữu của Bên tiếp nhận tại thời điểm tiêt lộ; (c) thông tin được Bên tiếp nhận phát triển độc lập mà không liên quan gì đến việc chuyển giao tin tức của Bên chuyển giao; (d) thông tin đã được thu thập một cách hợp pháp từ một Bên thứ ba không có ràng buộc nào về nghĩa vụ bảo mật với Bên chuyển giao; và/hoặc thông tin mà việc tiết lộ thông tin đó là theo yêu cầu của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền, với điều kiện Bên nhận được yêu cầu phải thông báo cho Bên còn lại về yêu cầu tiết lộ thông tin đó để việc tiết lộ sẽ được thực hiên theo cách có thể đạt được mức độ bảo vệ cao nhất.

**8.4. Tiết lộ thông tin**

Mỗi Bên chỉ được tiết lộ Thông tin bảo mật của Bên kia cho các thành viên của mình, những người nhân danh mỗi Bên sử dụng những thông tin số vì mục đích của Hợp đồng này. Mỗi bên tự chịu trách nhiệm về hành vi tiết lộ thông tin bảo mật của các thành viên của mình.

**ĐIỀU 9. CHẤM DỨT HỢP ĐỒNG**

**9.1. Các trường hợp chấm dứt Hợp đồng**

**a.** Hết thời hạn Hợp đồng mà các Bên không thỏa thuận về việc gia hạn hiệu lực Hợp đồng;

**b.** Chấm dứt theo thỏa thuận bằng văn bản của các Bên;

**c.** Xảy ra sự kiện bất khả kháng theo quy định tại Điều 7 của Hợp đồng này dẫn đến việc một trong các Bên không thể tiếp tục thực hiện Hợp đồng;

**d.** Một trong hai bên trở thành đối tượng của các thủ tục pháp lý liên quan đến việc phá sản doanh nghiệp; mất khả năng thanh toán; bị phong tỏa tài sản.

**e.** Các trường hợp đơn phương chấm dứt Hợp đồng trước thời hạn: Không bên nào được tự ý đơn phương chấm dứt hợp đồng trước thời hạn, ngoại trừ các trường hợp sau:

**(i)** Một trong các bên vi phạm cơ bản Hợp đồng theo quy định tại Khoản 13 Điều 3 Luật Thương mại 2005 (trừ trường hợp hành vi vi phạm hoàn toàn do lỗi của bên còn lại và/hoặc do bất khả kháng) thì bên bị vi phạm có quyền ngay lập tức đơn phương chấm dứt Hợp đồng mà không phải bồi thường hay chịu bất cứ khoản phạt nào, đồng thời bên bị vi phạm có quyền yêu cầu bên vi phạm bồi thường và chịu phạt theo quy định tại Điều 10 của Hợp đồng này.

**(ii)** Một trong các bên không thực hiện, thực hiện không đầy đủ hoặc vi phạm các nghĩa vụ khác (ngoài các vi phạm cơ bản nêu trên) của Hợp đồng (trừ trường hợp hành vi vi phạm hoàn toàn do lỗi của bên còn lại và/hoặc do bất khả kháng) mà tiếp tục không thực hiện, thực hiện không đầy đủ hoặc không khắc phục được vi phạm đó trong thời hạn 60 (sáu mươi) ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản thông báo yêu cầu khắc phục vi phạm của bên bị vi phạm thì bên bị vi phạm có quyền ngay lập tức đơn phương chấm dứt Hợp đồng mà không phải bồi thường hay chịu bất cứ khoản phạt nào, đồng thời bên bị vi phạm có quyền yêu cầu bên vi phạm bồi thường và chịu phạt theo quy định tại Điều 10 của Hợp đồng này.

**9.2.  Xử lý khi chấm dứt Hợp đồng**

Khi Hợp đồng chấm dứt theo một trong các trường hợp quy định tại Khoản 9.1. Điều này thì các bên phải bàn bạc để thống nhất các biện pháp xử lý toàn bộ các nghĩa vụ còn tồn đọng nhằm đảm bảo quyền lợi các bên và các khách hàng có liên quan.

**ĐIỀU 10. BỒI THƯỜNG THIỆT HẠI VÀ PHẠT VI PHẠM**

**10.1.**  **Bồi thường thiệt hại**

   Bên nào vi phạm Hợp đồng (trừ trường hợp Bất khả kháng và do lỗi của bên còn lại) thì phải bồi thường cho Bên bị vi phạm khoản thiệt hại thực tế phát sinh từ việc vi phạm đó, bao gồm nhưng không giới hạn ở những chi phí nhằm hạn chế và khắc phục thiệt hại phát sinh, không phân biệt sự vi phạm là do lỗi cố ý hay vô ý của Bên vi phạm. Bên vi phạm phải thực hiện việc bồi thường cho Bên bị vi phạm trong thời gian tối đa 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày Bên bị vi phạm gửi cho Bên vi phạm văn bản yêu cầu bồi thường thiệt hại cùng các chứng từ chứng minh thiệt hại.

**10.2.**      **Phạt vi phạm Hợp đồng**

Trường hợp một trong các bên vi phạm Hợp đồng thì ngoài trách nhiệm bồi thường thiệt hại theo quy định tại khoản 10.1, bên vi phạm còn phải chịu phạt vi phạm hợp đồng, mức phạt như sau:

10.2.1 Trường hợp tự ý chấm dứt Hợp đồng trước thời hạn: Trong trường hợp Hợp đồng chưa hết hạn mà một bên tự ý chấm dứt Hợp đồng trước thời hạn (chưa được sự đồng ý của bên kia) thì bên tự ý chấm dứt Hợp đồng phải chịu phạt khoản tiền bằng 8% x (nhân) Doanh thu bản quyền VTVcab được hưởng trung bình 1 tháng (từ thời điểm Hợp đồng này có hiệu lực đến khi một bên đơn phương chấm dứt Hợp đồng) x (nhân) Tổng số tháng từ thời điểm một bên đơn phương chấm dứt Hợp đồng đến khi kết thúc thời hạn Hợp đồng.

10.2.2. Trường hợp vi phạm phạm vi cung cấp và/hoặc đối tượng khách hàng: Viettel chỉ được quyền cung cấp tín hiệu Kênh chương trình do VTVcab cung cấp trong phạm vi cung cấp và đối tượng khách hàng theo quy định tại Điều 1 của Hợp đồng này và/ hoặc Viettel cố tình cung cấp tín hiệu Gói kênh chương trình cho Bên thứ ba khi chưa được sự đồng ý bằng văn bản của VTVcab.  Trong trường hợp Viettel vi phạm thì coi như Viettel tự ý chấm dứt Hợp đồng trước thời hạn và phải chịu phạt khoản tiền bằng 8% x (nhân) Doanh thu bản quyền VTVcab được hưởng trung bình 1 tháng (từ thời điểm Hợp đồng này có hiệu lực đến khi Viettel vi phạm) x (nhân) Tổng số tháng từ thời điểm Viettel vi phạm đến khi kết thúc thời hạn Hợp đồng.

10.2.3. Trường hợp chậm thanh toán:

Kể từ ngày đến hạn thanh toán mà Viettel không thanh toán cho VTVcab doanh thu bản quyền VTVcab được hưởng (không phải do lỗi của VTVcab) thì Viettel sẽ phải chịu lãi suất chậm thanh toán tương đương 0,06%/ngày tính trên số tiền chậm thanh toán tương ứng với số ngày chậm thanh toán.

Sau 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày đến hạn thanh toán mà Viettel vẫn chưa thanh toán hoặc thanh toán chưa đầy đủ so với lịch thanh toán theo quy định tại Hợp đồng thì VTVcab được quyền tạm ngưng thực hiện hợp đồng này và gửi văn bản yêu cầu Viettel thanh toán đầy đủ trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày. Hết thời hạn nêu trên, nếu Viettel vẫn chưa thanh toán hoặc thanh toán không đủ thì VTVcab có quyền đơn phương chấm dứt Hợp đồng này mà không phải chịu bất kỳ khoản bồi thường nào. Mặt khác, Viettel được coi là tự ý chấm dứt Hợp đồng trước thời hạn và ngoài việc vẫn chịu trách nhiệm tiếp tục thanh toán cho VTVcab số tiền Viettel còn nợ, Viettel phải chịu phạt khoản tiền bằng 8% x (nhân) Doanh thu bản quyền VTVcab được hưởng trung bình 1 tháng (từ thời điểm Hợp đồng này có hiệu lực đến khi Viettel vi phạm) x (nhân) Tổng số tháng từ thời điểm Viettel vi phạm đến khi kết thức thời hạn Hợp đồng.

10.2.4. Trong trường hợp VTVcab phát hiện Viettel cố tình cung cấp số liệu không chính xác cho VTVcab, ngoài doanh thu bản quyền chênh lệch Viettel phải thanh toán đầy đủ cho VTVcab thì Viettel sẽ phải chịu khoản phạt là 8% giá trị vi phạm và bồi thường cho VTVcab một khoản tương đương doanh thu bản quyền VTVcab được hưởng của tháng có số liệu bị cung cấp sai.

10.2.5. Ngoài các trường hợp cụ thể nêu trên, khi xảy ra vi phạm Hợp đồng thì bên vi phạm phải chịu phạt một khoản phạt tương đương 8% phần vi phạm.

**ĐIỀU 11. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP**

**11.1.** Bất kỳ tranh chấp nào liên quan đến Hợp đồng trước hết phải được giải quyết bằng thương lượng thiện chí.

**11.2.** Trong trường hợp không thương lượng được, theo yêu cầu của bất kỳ Bên nào, tranh chấp sẽ được giải quyết bởi Tòa án có thẩm quyền.

**ĐIỀU 12. ĐIỀU KHOẢN CHUNG**

**12.1.** Các bên cam kết thực hiện đúng các điều khoản của Hợp đồng này. Trong quá trình thực hiện Hợp đồng, nếu bên nào có khó khăn, trở ngại thì phải thông báo bằng văn bản cho các bên còn lại trong vòng 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày phát sinh khó khăn đó để các bên thỏa thuận phương thức giải quyết.

**12.2.** Bất kỳ sửa đổi và bổ sung đối với Hợp đồng này sẽ có hiệu lực khi được Người đại diện có thẩm quyền của các bên thống nhất và ký kết bằng Phụ lục Hợp đồng. Các Phụ lục hợp đồng là phần không tách rời của Hợp đồng.

**12.3.** Hợp đồng này được lập thành 06 (sáu) bản, có giá trị pháp lý như nhau, mỗi bên giữ 03 (ba) bản để thực hiện.

|  |  |
| --- | --- |
| **ĐẠI DIỆN BÊN A** | **ĐẠI DIỆN BÊN B** |